TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN S** **TP. HÀ NỘI** **- - - *&*- - -**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** **- - - - - - - - - **&** - - - - - - - - -**

Bản án số: **02/**2019/HS-ST
Ngày: 16.01.2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S – TP. HÀ NỘI

- **Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Chử Phương Ngọc.**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Đào Thị Đoan.**
2. Bà **Nguyễn Bích Liên.**

- **Thư ký phiên tòa**: Bà **Nguyễn Thị Hải Hà** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện S.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa**: Bà **Lê Thị Thúy** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16.01.2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S – TP. Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 211/2018/TLST-HS ngày 20 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-HS ngày 02.01.2019 đối với bị cáo:

Bùi Quý D, sinh năm 1994, tại Hưng Yên.
Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện Â, tỉnh Hưng Yên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Quang Th và bà Trần Thị H; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không; Bị bắt, tạm giam: Không.

Có mặt.

- Người bị hại: Anh ***Đỗ Quang Gi***, sinh năm 1992.
Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện M, TP.Hà Nội.

Vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông ***Bùi Quang Th***, sinh năm 1974.
Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện Â, tỉnh Hưng Yên.

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 4 giờ ngày 01.4.2018 D hết giờ làm việc chuẩn bị ra về thì gặp anh Gi là người làm cùng công ty. D hỏi mượn anh Gi điện thoại thì anh Gi trả lời điện thoại hết pin nên cất ở phòng ngủ của công nhân. Do nhiều lần D nhờ anh Gi dùng phần mềm BankPlus trên điện thoại của mình mua hộ D thẻ chơi game nên D biết mật khẩu và tên tài khoản của của anh Gi tại Ngân hàng quân đội. Lúc này D nảy sinh ý định lấy sim điện thoại của anh Gi để chiếm đoạt tiền trong tài khoản. Lợi dụng lúc không có ai trong phòng ngủ của công nhân D liền lấy điện thoại của anh Gi tháo sim và lắp chiếc sim khác vào rồi đặt máy điện thoại vào chỗ cũ. Sau đó D cất sim điện thoại vào túi rồi ra lấy xe máy đi về chỗ trọ của D.

Ngày 02.4.2018 D mua một sim điện thoại mới rồi sử dụng mở một tài khoản số VND1142600400001 trên phần mềm ViettelPay, D dùng sim điện thoại của anh Gi sử dụng phần mềm BankPlus đăng nhập vài tài khoản số 0020185191002 của Gi thấy còn 13.304.586đồng. D chuyển số tiền 5.000.000đồng từ tài khoản của Gi vào tài khoản mới lập của D, D chuyển nhiều lần tiền vào tài khoản này nhưng giao dịch chỉ thực hiện tối đa 5.000.000đ/ngày nên thực hiện giao dịch không thành công, tổng các giao dịch mất phí 2.200đồng. Vì D không đăng ký chính chủ sim điện thoại nên D không rút được số tiền đã chuyển khoản. Do không lấy được tiền của anh Gi nên D nảy sinh ý định dùng tiền trong tài khoản của Gi mua tiền ảo "R" để chơi game. D đăng nhập vào tài khoản game ROYVIP của mình với tên riêng là Buiduong11, D đăng nhập vào phần mềm đại lý bán tiền ảo thành công và chuyển khoản tiền mua "R" vào tài khoản số 8400124812008 mang tên Lê Thị Ngọc Tr tại Ngân hàng quân độivới tổng số tiền 7.900.000đ, D mua tiền ảo với tỷ lệ 1.000.000đồng tiền thật được 1.150.000đồng tiền ảo, đối với số tiền D chuyển sang tài khoản mới của mình từ tài khoản của anh Gi D cũng sử dụng mua tiền ảo, như vậy tổng số tiền Dmua tiền ảo là 12.900.000đồng. Ngoài ra D còn nạp 250.000đồng vào số điện thoại 0683836465 của D được giảm giá 10.000đồng. D dùng 10.000đồng trong tài khoản của anh Gi mua thẻ game của Công ty CP phát triển thể thao điện tử Việt Nam. Như vậy tổng số tiền mà D đã chiếm đoạt của anh Gi là 13.152.200đồng.

Ngày 03.4.2018 anh Gi đi rút tiền nhưng không được nên đã yêu cầu Ngân hàng quân đội - Chi nhánh Phúc Yên kiểm tra tài khoản phát hiện đã hết tiền, Gi điện thoại hỏi D thì D nhận có lấy sim điện thoại lấy hết tiền của Gi và hứa khi nào có lương sẽ trả lại Gi tiền. Do D không thực hiện lời hứa nên ngày 05.6.2018 anh Gi đã có đơn trình báo Công an huyện Sóc Sơn.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Gi yêu cầu D bồi thường 13.200.000đ. Ngày 12.6.2018 ông Th là bố D đã trực tiếp trả lại anh Gi 13.200.000đồng. Anh Gi đã nhận đủ tiền bồi thường và không yêu cầu gì thêm.

Tại Cáo trạng số 03/CT-VKS ngày 17.12.2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn truy tố Bùi Quý D phạm tội Trộm cắp tài sản theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát huyện Sóc Sơn sau khi phân tích nội dung, tính chất vụ án đã giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như Cáo trạng đã nêu, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 173, Điểm b- i- s Khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/ UBTVQH ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử phạt Bùi Quý D từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 18 đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về dân sự: Do anh Gi không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn, Điều tra viên Công an huyện Sóc Sơn đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì. Do vậy các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đều là hợp pháp.

[2] Về nội dung: Ngày 01.4.2018 Bùi Quý D đã có hành vi lén lút trộm cắp sim điện thoại của anh Gi để ở phòng ngủ của công nhân thuộc Công ty TNHH Nhà ga hàng hóa Nội Bài ALSC. Do biết tên cùng mật khẩu tài khoản của anh Gi nên D đã sử dụng sim điện thoại trộm cắp được chuyển tiền từ tài khoản của anh Gi sang tài khoản của D,tài khoản chơi game của D, mua thẻ chơi game, nạp tiền vào điện thoại của D với tổng số tiền là 13.152.200đồng. Như vậy hành vi của D đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Điều khoản này quy định hình cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc tù từ 06 tháng đến 03 năm, ngoài ra người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ theo Khoản 5 Điều 173 - BLHS.

[3] Như vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như Cáo trạng đã nêu là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xét bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho người bị hại những tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, thủ đoạn của bị cáo là rất tinh vi, lợi dụng

lòng tốt của đồng nghiệp để trộm cắp tài sản nên hành vi phạm tội của bị cáo không thuộc trường hợp phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, xét bản thân bị cáo phạm tội lần đầu với số tiền không lớn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên có thể cho bị cáo được hưởng khoan hồng của pháp luật cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội với sự giám sát của chính quyền địa phương cũng có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có thu nhập thấp và không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về dân sự: Anh Gi đã nhận toàn bộ tiền bồi thường và không yêu cầu gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Tại phiên tòa cả ông Th và bị cáo đều khẳng định số tiền mà ông Th đã bồi thường cho anh Gi là tiền của bị cáo chuyển cho ông Th để bồi thường cho anh Gi, do vậy ông Th không phải là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ Khoản 1 Điều 173, Điểm b-s Khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt: **Bùi Quý D 10** (mười) tháng tù cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản. Thời hạn thử thách là **20** (hai mươi) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Bùi Quý D cho Ủy ban nhân dân xã, huyện Â, tỉnh Hưng Yên giám sát trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.Căn cứ Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

- Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo, ông Th có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Gi có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hợp lệ. Ông Th chỉ có quyền kháng cáo về phần có liên quan.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKS huyện S;
- Công an huyện S;
- Chi cục THADS huyện S (để thi hành);

- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

Chử Phương Ngọc